TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC A - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST
Ngày: 07-8-2025
"*Tranh chấp về yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Bảo Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Nhị

2. Ông Võ Đức Huy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Hằng – Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thuý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2025/TLST – DS ngày 03 tháng 01 năm 2025 về "*Tranh chấp về yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Hình Phước H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: D, khu phố D, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.(nay là D8/33A, khu phố G, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Đại diện ủy quyền của ông H: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A, ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (nay là Số A, ấp V, xã M, tỉnh Tây Ninh)

2.Bị đơn:

2.1/ Ông Phạm Thanh D, sinh năm 1972;

2.2/ Bà Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã N, huyện T, tỉnh Long An. (nay là ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh)

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1982.

Thường trú: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.(Nay là ấp H, xã V, tỉnh Đồng Tháp)

Chỗ ở hiện nay: D, khu phố D, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.(nay là D8/33A, khu phố G, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh)

Đại diện ủy quyền của bà P: Bà Trần Thị Hồng X, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A, ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (nay là Số A, ấp V, xã M, tỉnh Tây Ninh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hình Phước H do bà Trần Thị Hồng X đại diện trình bày:

Năm 2016, qua người giới thiệu ông H biết ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 đang nợ Ngân hàng và cần bán đất trả nợ. Ông và ông D đã thoả thuận ông D và bà H1 bán cho ông các thửa đất 13,14, 22,24 và 42 do ông Phạm Thanh D đứng tên với giá là 500.000.000 đồng, ông D viết giấy tay mua bán đất giao cho ông H ngày 27/6/2016, ông H cho ký hợp đồng thuê với ông D cho ông D thuê lại nhà và đất. Cùng ngày ông H và ong D làm hợp đồng uỷ quyền cho ông H được quyền sang nhượng tặng cho các thửa đất. Đến ngày 08/11/2016 ông H đại diện theo sự uỷ quyền của ông D và bà H1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất số 13, 14, 22, 24 cho bà Lê Thị Kim P với giá 1.400.000.000 đồng. Tại Bản án phúc thẩm số 459/2023 ngày 27/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Long An đã xử: chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 tuyên bố vô hiệu hợp đồng uỷ quyền giữa ông Hình Phước H và ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1, tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hình Phước H và bà Lê Thị Kim P đối với các thửa đất 13, 14, 22, 24. Tuy nhiên, bản án chưa giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu đối với số tiền 500.000.000 đồng mà ông H đã giao cho ông D và bà H1 từ ngày 27/6/2016. Nay Ông Hình Phước H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 liên đới hoàn trả số tiền gốc vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi đến khi xét xử, tạm tính đến ngày 21/4/2025, lãi suất 1,66% là 873.800.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi ông H yêu cầu ông D và bà H1 liên đới hoàn trả là 1.373.800.000 đồng. Tại phiên toà, nguyên đơn do bà X đại diện thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, yêu cầu tiền lãi từ ngày 27/6/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm. Đối với ông Phạm Quốc D1 thì không liên quan giao dịch giữa ông Thanh D và ông H, vì giấy tay mua bán là giữa ông H và ông Thanh D, bà Kim H1, hiện ông H cũng không biết ông Quốc D1 ở đâu nên không cung cấp địa chỉ được và không yêu cầu Toà án đưa vào tham gia vụ án.

Bị đơn ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có bản tự khai. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành thủ tục niêm yết công khai cho ông D và bà H1 biết Tòa án có thụ lý vụ án tranh chấp về yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu theo đơn khởi kiện của ông Hình Phước H nhưng ông D và bà H1 không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án về việc khởi kiện của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Kim P do bà Trần Thị Hồng X đại diện trình bày: hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/11/20216 giữa bà và ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 do ông H

đại diện theo uỷ quyền ký đối với các thửa đất số 13, 14, 22, 24 cùng tờ bản đồ số 3 toạ lạc tại ấp D, xã N, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh) đã được giải quyết theo Bản án phúc thẩm số 459/2023/DS-PT ngày 27/12/2023, hợp đồng bị tuyên vô hiệu và bản án đã tuyên buộc bồi thường trả giá trị hợp đồng cho bà nên trong vụ án này liên quan số tiền ông H đưa ông D thì bà không có ý kiến và không có tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm: Từ khi thụ lý đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng ông D và bà H1 không thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng, việc xét xử vắng mặt ông D và bà H1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ nhận thấy: ông Hình Phước H yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 trả cho ông số tiền 1.257.513.000đ (*một tỷ, hai trăm năm mươi bảy triệu, năm trăm mười ba nghìn đồng*) trong đó tiền vay gốc 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 757.513.000đ.

Đối với yêu cầu của ông H, thì bà H1, ông Thanh D mặc dù được tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn không có bất kỳ ý kiến gì. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án về "*yêu cầu vô hiệu hợp đồng ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng QSD đất*" của bà Lê Thị Kim P đối với ông Phạm Thanh D, bà Nguyễn Thị Kim H1 tại bản án số 87/2023/DS-ST, ngày 30/8/2023 của TAND huyện T (nay là Toà án nhân dân Khu Vực A – Tây Ninh), và bản án số 495/2023/DS-PT, ngày 27/12/2023 của TAND tỉnh Long An (nay là Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh) nhận thấy:

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 495/2023/DS-PT, ngày 27/12/2023 TAND tỉnh Long An đã nhận định: Giao dịch ủy quyền, hợp đồng chuyển nhượng theo giấy tay "Giấy mua bán đất", hợp đồng thuê nhà lập cùng ngày 27/6/2016 giữa ông Hình Phước H với ông Phạm Thanh D, bà Nguyễn Thị Kim H1 trong quá trình giải quyết vụ án trên ông Thanh D và ông H (do ông T đại diện theo ủy quyền) trình bày thống nhất ông Thanh D có ký giấy mua bán đất ngày 27/6/2016 để nhận số tiền 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên không thống nhất đây là tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất hay tiền vay, không thống nhất ông T1 D nhận tiền trực tiếp từ ông H hay nhận từ ông Phạm Quốc D1.

Ông H cho rằng ông Thanh D và bà H1 đã chuyển nhượng cho ông H 05 thửa đất 13, 14, 22, 24, 42 TBĐ số 3, đất tọa lạc tại ấp D, xã N, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh) do ông Nguyễn Thanh D2 đứng tên QSD đất với giá 500.000.000 đồng. Nhưng phía ông Phạm Thanh D chỉ thừa nhận vay tiền của ông H và ông Quốc D1.

Như vậy đối với vụ án trước đã được giải quyết thì bà H1 và ông T1 D1 thừa nhận là vay tiền của ông H, nhưng ông H cho rằng các bên chỉ thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất, đồng thời ông H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng khi bị tuyên vô hiệu. Nay ông xác nhận giữa ông và ông Thanh D, bà H1 là hợp đồng vay. Do đó cần xác định giao dịch chuyển

nhượng ngày 27/6/2016 giữa các bên là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 124 BLDS và giải quyết hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463, 465, 466 BLDS.

Về yêu cầu tính lãi: do các bên xác định là hợp đồng vay nhưng không thể hiện mức lãi suất cụ thể bao nhiêu nên cần áp dụng việc tính lãi theo yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn đề nghị tính lãi theo quy định pháp luật do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi mức 0.83%.

Ngoài ra, ông H và ông Thanh D không cung cấp được địa chỉ cư trú của ông Quốc D1 nên Tòa án không đưa ông Quốc D1 vào tham gia tố tụng. Do đó ông Quốc D1 nếu tranh chấp gì đối với yêu cầu của ông H trong vụ án này sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định:

[1] Ngày 27/6/2016, ông Hình Phước H và ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 ký với nhau Giấy mua bán đất. Cùng ngày ông H và ong D làm hợp đồng uỷ quyền cho ông H được quyền sang nhượng tặng cho các thửa đất. Đến ngày 08/11/2016 ông H đại diện theo sự uỷ quyền của ông D và bà H1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại Bản án phúc thẩm số 459/2023 ngày 27/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Long An (nay là Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh) đã xử tuyên bố vô hiệu hợp đồng uỷ quyền giữa ông Hình Phước H và ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1, tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hình Phước H và bà Lê Thị Kim P. Nay ông H khởi kiện làm phát sinh quan hệ "*Tranh chấp về yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Do bị đơn cư ngụ tại huyện T, tỉnh Long An (xã T, tỉnh Tây Ninh) nên khi ông Hình Phước H khởi kiện thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An (nay là Toà án nhân dân Khu Vực A – Tây Ninh) giải quyết theo trình tự sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không hoà giải được do bị đơn vắng mặt. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 là bị đơn bị đơn vắng mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú ông D và bà H1 bao gồm Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo phiên tòa nhưng ông D và bà H1 vẫn không đến tham gia phiên tòa. Do đó, việc Tòa án nhân dân Khu Vực A – Tây Ninh đưa ra xét xử vắng mặt ông D và bà H1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, các bên đương sự không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ. Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi, chỉ yêu cầu tiền lãi theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy:

[5.1] Nguyên đơn ông Hình Phước H do bà Trần Thị Hồng X đại diện cho rằng Bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm xử tuyên bố hợp đồng uỷ quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 13, 14, 22, 24 nhưng chưa giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu, do ông đã đưa tiền cho ông D và bà H1 là 500.000.000 đồng theo giấy mua bán đất ngày 27/6/2016, nay ông H khởi kiện yêu cầu ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 liên đới trả số tiền 500.000.000 đồng, yêu cầu tiền lãi từ ngày 27/6/2016 đến ngày xét xử với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

[5.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 vắng mặt. Toà án tiến hành xác minh nơi cư trú, Công an xã N (xã T) xác nhận ông D và bà H1 có đăng ký thường trú tại ấp D, xã N, huyện T, tỉnh Long An (nay là ấp D, xã T, tỉnh Tây Ninh). Toà án đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà và các chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp, ông D và bà H1 đã được thông báo đầy đủ thông tin về vụ kiện và quá trình giải quyết vụ án của Toà án nhưng vẫn vắng mặt là không chấp hành thông báo của Toà án, đồng thời mặc nhiên thừa nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ bên nguyên đơn cung cấp.

[5.3] Xét thấy, ngày 27/6/2016, ông D và bà H1 ký giấy tay "Giấy mua bán đất" cho ông Hình Phước H nội dung có mua bán đất với ông H các thửa đất "*số 14, 22, 13, 24, 42 tờ bản đồ số 3 loại đất lúa, đất HNK, đất ở nông thôn, đất NTTS, địa chỉ thửa đất* xã N, huyện T, tỉnh Long An*"* với giá 500.000.000 đồng, ông H ký hợp đồng thuê với ông D cho ông D thuê lại nhà. Cùng ngày 27/6/2016 ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 ký Hợp đồng uỷ quyền cho ông Hình Phước H, tài sản uỷ quyền là thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông D bà H1 cụ thể các thửa đất 24, 13, 14, 22 tờ bản đồ số 03, theo đó ông H được quyền quản lý sử dụng, thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê, thanh lý, huỷ hợp đồng nói trên. Đến ngày 08/11/2016 ông H đại diện theo sự uỷ quyền của ông D và bà H1 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà Lê Thị Kim P đối với các thửa đất số 24, 13, 14, 22 tờ bản đồ số 03 với giá 1.400.000.000 đồng. Sau đó các đương sự có tranh chấp hợp đồng uỷ quyền và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại Bản án sơ thẩm số 87/2023/DS-ST ngày 30/8/2023 của Toà án nhân dân huyện T (Nay là Toà án nhân dân Khu Vực A – Tây Ninh) tuyên xử: vô hiệu Hợp đồng ký ngày 27/6/2016 giữa ông Phạm Thanh D, bà Nguyễn Thị Kim H1 với ông Hình Phước H được Văn phòng C, quyển số 01/2016, tuyên bố vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất 24, 13, 14, 22 tờ bản đồ số 03 giữa ông Hình Phước H và bà Lê Thị Kim P. Ông Hình Phước H kháng cáo. Tại Bản án phúc thẩm số 459/2023 ngày 27/12/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Long An (nay là Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh) giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hình Phước H. Như vậy là Hợp đồng uỷ quyền của ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 cho ông Hình Phước H và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hình Phước H với bà Lê Thị Kim P đối với các thửa đất số 24, 13, 14, 22 tờ bản đồ số 03 đã được giải quyết và bị vô hiệu. Tại Bản án phúc thẩm số 459/2023 ngày 27/12/2023 nhận định: *"Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Đối với giao dịch mua bán đất theo giấy tay "giấy*

mua bán đất", ủy quyền giữa ông D, bà H1 với ông H: Ông Thanh D cho rằng ông vay tiền của ông H và ông Quốc D1 nhưng không được ông H thừa nhận, ông H và ông D1 không cung cấp được địa chỉ cư trú của ông Quốc D1 nên Toà án cấp sơ thẩm không đưa ông Quốc D1 vào tham gia tố tụng là phù hợp. Do Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét hậu quả của giao dịch vô hiệu giữa ông Thanh D và ông H nên trong phạm vi xét xử phúc thẩm, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xem xét. Các đương sự nếu có tranh chấp thì được quyền khởi kiện thành vụ án khác. Khi đó các bên được quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh việc xác lập giữa ông D, bà H1 và ông H bản chất là vay tiền hay chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm căn cứ xác định lỗi của các bên khi giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu". Theo yêu cầu khởi kiện của ông H thì ông H xác định đây là cho vay. Trong vụ án trước ông D và bà H1 cũng có trình bày là vay tiền ông H không phải bán đất nên Hội đồng xét xử xác định bản chất giao dịch ngày 27/6/2016 theo giấy tay "Giấy mua bán đất" giữa ông D và bà H1 với ông H là hợp đồng vay tài sản, số tiền vay là 500.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu buộc ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 liên đới trả cho ông Hình Phước H số tiền vay 500.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Ngoài ra, ông H và ông Thanh D không cung cấp được địa chỉ cư trú của ông Quốc D1 nên Tòa án không đưa ông Quốc D1 vào tham gia tố tụng. Do đó ông Quốc D1 nếu tranh chấp gì đối với yêu cầu của ông H thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về phần tiền lãi: ông H yêu cầu tính lãi từ ngày 27/6/2016 đến ngày xét xử theo mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, các bên giao dịch vay nhưng ký giấy mua bán đất nên không thể hiện có thoả thuận lãi suất. Tại phiên toà, ông D1 và bà H1 cũng không tham gia để xác định lãi suất đã thoả thuận. Tuy nhiên, do ông D1 và bà H1 chiếm dụng số tiền vay đã lâu đến nay chưa thanh toán. Khi Toà án tuyên vô hiệu Hợp đồng uỷ quyền và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông D1 và bà H1 cũng không có thiện chí trả lại số tiền vay cho ông H như trình bày trong vụ án trước. Theo điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định "trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự". Do đó, Hội đồng xét xử buộc ông D1 và bà H1 liên đới trả cho ông H số tiền lãi do chậm trả từ ngày 27/6/2016 đến nay là 500.000.000 đồng x 09 năm 01 tháng 11 ngày x 0.83% = 453.871.666 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015.

[7] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Tây Ninh là có cơ sở.

[8] Về án phí: ông D1 và bà H1 phải chịu án phí trên nghĩa vụ thanh toán. H2 lại tạm ứng án phí cho ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; 95, Điều 205; Các Điều 147, 217, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 131, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết về án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hình Phước H do bà Trần Thị Hồng X đại diện.

Buộc ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 trả cho ông ông Hình Phước H số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi 453.871.666 đồng, tổng cộng là 953.871.666 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: ông Phạm Thanh D và bà Nguyễn Thị Kim H1 liên đới phải chịu án phí là 40.616.149 đồng.

Hoàn lại cho ông Hình Phước H 26.074.500 đồng tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số 0009430 ngày 27/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T tỉnh Long An (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực A – Tây Ninh).

Án xét xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 1 – Tây Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 1 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu Hs, án văn

Hồ Bảo Trâm